

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST  
Ngày 26 - 3- 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Nga

Bà Lê Thanh Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2018/TLST- HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

**Vi Văn S**, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1984 tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5, ngõ 17A đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số 102 đường C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng HS; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn C và bà Nông Thị D; có vợ là Dương Thị P và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/11/2017, đến ngày 12/12/2017 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Bà Nông Thị D, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Số 5, ngõ 17A đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 194 đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 22, ngõ 3 thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Anh Trần Mạnh L, sinh năm 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 40 đường C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Số 10, ngõ 1, phố C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Vi Văn K, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Anh Hoàng Chương L, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản T, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Trung tâm N – Sở NT tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1965, cán bộ Trung tâm N; địa chỉ: Phố T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn - đại diện theo văn bản ủy quyền số 102/UQ-TTN ngày 13/3/2018. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công trình nước sinh hoạt xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do Trung tâm N– Sở NT tỉnh Lạng Sơn làm chủ đầu tư. Công trình được khởi công vào cuối năm 2013 đến tháng 11/2014 hoàn thành, nghiệm thu quyết toán và đưa vào sử dụng. Công trình thuộc hình thức chỉ định thầu, trong đó: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng TL Lạng Sơn là đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế; Công ty cổ phần xây dựng thương mại L, Lạng Sơn là đơn vị tư vấn giám sát; liên danh Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng HS và Công ty cổ phần thiết kế xây dựng T là đơn vị thi công. Sau khi trúng thầu thi công, Công ty cổ phần thiết kế xây dựng T đã ủy quyền lại toàn bộ phần công việc của mình cho Công ty trách nhiệm hữu hạn và đầu tư xây dựng HS đảm nhiệm thi công công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình thi công công trình, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng HS (sau đây gọi tắt là Công ty HS) đã ký hợp đồng giao khoán với 02 tổ công nhân địa phương do ông Long Văn H và ông Vy Văn N để thi công các hạng mục đào đất bề lộ + bề tập trung 110m<sup>3</sup> và hạng mục đào đất chôn đường ống dẫn nước; đồng thời cử Trần Mạnh L, nhân viên Công ty cổ phần xây dựng thương mại L, Lạng Sơn (đơn vị tư vấn giám sát); Hoàng Chương L và Vi Văn K là các nhân viên phụ trách kỹ thuật công trình của Công ty HS hướng dẫn, giám sát.

Trong quá trình thi công, Trần Mạnh L và Vi Văn K đã cho kiểm tra đo vị trí đặt bể thấy khối lượng đào đất đá ít hơn so với thiết kế khoảng 100m<sup>3</sup>, Trần Mạnh L và Vi Văn K đã báo cáo số liệu này với nhà thầu thi công bằng văn bản có chữ ký của Vi Văn S.

Đối với hạng mục: Đào đất, đá chôn đường ống dẫn nước qua kiểm tra thấy một số đoạn đường ống độ sâu chưa đạt so với thiết kế, một số đoạn đường ống nằm trên mặt đá không đúng với thiết kế; Trần Mạnh L, Vi Văn K và Hoàng

Chương L đã báo lại cho Vi Văn S biết để khắc phục và được Vi Văn S cho biết các hạng mục đã thi công xong cơ bản đạt yêu cầu, khi quyết toán Vi Văn S sẽ giảm trừ khối lượng đào đất trong hồ sơ để quyết toán.

Tuy nhiên khi làm hồ sơ quyết toán, biết thực tế một số khối lượng công việc không làm, thi công không đúng so với thiết kế nhưng Vi Văn S vẫn chỉ đạo bà Nông Thị D (là mẹ đẻ của Vi Văn S) làm hồ sơ quyết toán đủ khối lượng theo hồ sơ dự toán ban đầu, cụ thể:

- Đối với hạng mục bề lọc + tập trung: Khối lượng đá đào khi thi công là 268,476m<sup>3</sup>, bà Nông Thị D đã lập hồ sơ quyết toán số lượng đất, đá phải đào theo dự toán ban đầu là 368,4m<sup>3</sup>, khối lượng bị không là 99,924m<sup>3</sup>, giá trị là 27.552.000 đồng.

- Đối với khối lượng đất đá đào đường ống: Bà Nông Thị D đã lập hồ sơ quyết toán đủ khối lượng đào đất theo hồ sơ thiết kế là 416,12m<sup>3</sup>, giá trị là 146.229.000 đồng.

Tổng số tiền từ việc lập chứng từ khống khối lượng để thanh toán có trị giá là 173.781.000 đồng, số tiền này Vi Văn S đã dùng để chi trả, thanh toán cho các công trình xây dựng khác và dùng để chi tiêu cá nhân. Trong quá trình điều tra bị cáo Vi Văn S đã nộp số tiền 201.685.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Cáo trạng số 29/KSĐT ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo Vi Văn S về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, với số tiền chiếm đoạt là 173.781.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Vi Văn S khai nhận: Bị cáo là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng HS, là đơn vị được chỉ định thầu thi công công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình thi công, bị cáo biết thực tế một số khối lượng công việc không làm, thi công không đúng so với thiết kế nhưng khi làm hồ sơ quyết toán bị cáo không giảm trừ khối lượng mà vẫn giao cho bà Nông Thị D làm hồ sơ quyết toán đủ số lượng theo hồ sơ dự toán ban đầu để thanh toán chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền là 173.781.000 đồng như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện trung tâm N- Sở NT tỉnh Lạng Sơn, ông Phạm Văn T trình bày: Công trình nước sinh hoạt xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do Trung tâm N- Sở NT tỉnh Lạng Sơn làm chủ đầu tư. Nguồn vốn của công trình là vốn Ngân sách Nhà nước và nhân dân đóng góp bằng ngày công lao động. Công trình đã được nghiệm thu và thanh quyết toán vào cuối năm 2014. Đến nay công trình cũng đã hết thời gian bảo hành. Về số tiền mà Vi Văn S được hưởng lợi từ việc lập chứng từ khống để thanh quyết toán, Công ty đề nghị sung Ngân sách Nhà nước vì: Tiền để chi trả cho Công trình này là vốn do Ngân sách Nhà nước cấp, đến nay công trình hết thời gian bảo hành nên Trung tâm không yêu cầu Vi Văn S bồi thường thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền mà Vi Văn S đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa bà Nông Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Vi Văn S,

khi Vi Văn S làm Giám đốc Công ty HS, bà có giúp Vi Văn S làm hồ sơ dự thầu, hồ sơ thanh quyết toán, thủ quỹ, quản lý tiền và chi trả, thu nhận các khoản tiền của Công ty HS. Việc lập hồ sơ quyết toán công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do bà thực hiện dựa trên hồ sơ dự toán ban đầu và các hóa đơn chứng từ do Vi Văn S cung cấp. Bà không xuống trực tiếp công trình nên không biết có sự chênh lệch về khối lượng đào đất nói trên và không biết mục đích của Vi Văn S. Cá nhân bà không có mục đích vụ lợi và không được hưởng lợi trong việc làm sai lệch hồ sơ quyết toán công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Cơ quan điều tra chị Trần Thị Thu T trình bày: Chị là kế toán của Công ty HS, khi Công ty thi công công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn chị được Vi Văn S chỉ đạo thực hiện việc tổng hợp hóa đơn vật liệu công trình, lập bảng lương theo dự toán công trình ban đầu, làm báo cáo thuế. Số tiền thanh toán cho công trình nước sạch nói trên được chủ đầu tư chi trả nhiều lần qua số tài khoản của Công ty HS tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh Lạng Sơn. Sau khi rút tiền mặt về chị đưa vào nhập quỹ do bà Nông Thị D quản lý. Việc thanh toán tiền nguyên vật liệu cho công trình dựa trên hóa đơn chứng từ thực tế, còn việc thanh toán tiền nhân công là do anh Vi Văn S và bà Nông Thị D thực hiện. Chị không biết và không được hưởng lợi gì từ việc quyết toán đối với công trình nói trên.

Tại Cơ quan điều tra, các anh Trần Mạnh L, Vi Văn K và Hoàng Chương L trình bày: Trần Mạnh L là nhân viên của Công ty cổ phần xây dựng thương mại L, Lạng Sơn và được Công ty phân công giám sát công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do Công ty HS thi công. Anh Vi Văn K và anh Hoàng Chương L là nhân viên của Công ty HS được công ty cử là nhân viên phụ trách kỹ thuật công trình. Trong quá trình giám sát, thi công công trình, Trần Mạnh L, Vi Văn K, Hoàng Chương L đã phát hiện một số hạng mục thi công chưa đúng với hồ sơ thiết kế ban đầu và đã có ý kiến với anh Vi Văn S và được anh Vi Văn S cho biết sẽ giảm trừ khối lượng khi làm hồ sơ quyết toán. Tuy nhiên, do không kiểm tra, soát kỹ hồ sơ quyết toán nên Trần Mạnh L đã ký vào chứng từ thanh quyết toán. Các anh không biết những hành vi sai phạm của Công ty HS và Giám đốc Vi Văn S; các anh không được hưởng lợi từ việc phụ trách, giám sát thi công công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn giữ nguyên nội dung quyết định truy tố theo Cáo trạng số 29/KSĐT ngày 09/02/2018 đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vi Văn S phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vi Văn S từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi hoàn số tiền 173.781.000 đồng được hưởng lợi từ hành vi phạm tội để sung công quỹ Nhà nước. Truy thu 50.234.000 đồng mà bị

cáo được hưởng lợi từ việc xác định sai cấp đất của đơn vị tư vấn giám sát.

- Về xử lý vật chứng: Tạm giữ số tiền 201.685.000đ đã thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Lạng Sơn; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Vi Văn S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Vi Văn S, người đại diện theo pháp luật của Công ty HS, trong quá trình thi công công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn biết một số khối lượng công việc không làm, thi công không đúng so với thiết kế nhưng Vi Văn S vẫn lập chứng từ, làm hồ sơ quyết toán đủ khối lượng theo hồ sơ dự toán ban đầu đối với số lượng đất đá đào khi thi công hạng mục bể lọc + tập trung và đào đường ống, tổng giá trị chứng từ lập không là 173.781.000 đồng. Như vậy, Vi Văn S đã có mục đích gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vi Văn S phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, cáo trạng số 29/KSĐT ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Vi Văn S là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội để tư lợi cá nhân. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật. Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi

phạm tội của bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã tự nguyện nộp 201.685.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo có bố là ông Vi Văn C được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang, Huy chương kháng chiến; bị cáo có mẹ là bà Nông Thị D được Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Do đó bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng và là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giúp đỡ của gia đình và xã hội cũng đủ đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ kết quả xác minh, xét thấy có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Trung tâm N-Sở NT Lạng Sơn không yêu cầu Vi Văn S bồi thường thiệt hại vì: Công trình nước sinh hoạt tại xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã được nghiệm thu và thanh quyết toán vào cuối năm 2014, đến nay công trình cũng đã hết thời gian bảo hành nên đề nghị Hội đồng xét xử sung Ngân sách Nhà nước số tiền mà bị cáo Vi Văn S đã chiếm đoạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đến trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 173.781.000 đồng, vì vậy số tiền này được tịch thu sung Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Mặt khác, do sai sót của của đơn vị tư vấn, thiết kế nên trong quá trình thi công công trình nói trên bị cáo đã được hưởng lợi từ việc xác định sai cấp đất. Theo cáo số 191/BC/TTKT ngày 24/9/2017 của Trung tâm KĐ - Sở XD Lạng Sơn có nội dung: Kiểm tra số liệu định mức, chế độ chính sách tương ứng tại thời điểm quyết toán xác định: Giá trị khối lượng đào đất cấp 3 quyết toán cấp 4 là 1.148.000 đồng; giá trị khối lượng đào đất cấp 2 quyết toán cấp 3 là 49.095.000 đồng; tổng số tiền chênh lệch là 50.234.000 đồng. Do việc xác định cấp đất tại thời điểm khảo sát, thiết kế thuộc trách nhiệm của nhà thầu tư vấn,

thiết kế công trình làm cơ sở để lập dự toán công trình và lựa chọn biện pháp thi công tương ứng với định mức đơn giá trong dự toán công trình. Vì vậy, đây không phải là lỗi của bị cáo nên Cơ quan chức năng không buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền là 50.234.000 đồng này là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền này.

Quá trình điều tra, bị cáo Vi Văn S đã nộp 201.685.000đ để nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Vì vậy, cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với bà Nông Thị D, chị Trần Thị Thu T, các anh Trần Mạnh L, Vi Văn K, Hoàng Chương L không biết hành vi gian dối, mục đích vụ lợi của Vi Văn S; hành vi của những người liên quan nói trên không vì động cơ, mục đích vụ lợi nên không cấu thành tội phạm.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các nội dung khác liên quan đến vụ án là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Vi Văn S phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

**2. Về hình phạt:** Phạt bị cáo Vi Văn S **02 (Hai)** năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **04 (Bốn)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/3/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Vi Văn S 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*), sung Ngân sách Nhà nước.

### **3. Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu đối với bị cáo Vi Văn S số tiền 173.781.000 đồng (*Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm tám mươi một ngàn đồng chẵn*), sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu đối với bị cáo Vi Văn S số tiền 50.234.000 đồng (*Năm mươi triệu hai trăm ba mươi tư ngàn đồng chẵn*), sung Ngân sách Nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 201.685.000 đồng mà bị cáo đã nộp để đảm bảo Thi hành án. Số tiền này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

**4. Về án phí:** Buộc bị cáo Vi Văn S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Công an thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Thùy**